

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/DS-PT

Ngày 01 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp “*Hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Đạt

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLPT-DS ngày 30/5/2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V trình bày:

Bà Lê Thị M có tham gia chơi 04 dây hui do bà V làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

Dây hui thứ nhất: Hui mở ngày 20/02/2020 (âm lịch), loại hui 3.000.000

đồng/tháng, hụi gồm 32 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M hốt tại kỳ thứ nhất với số tiền 55.490.000 đồng. Sau khi trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, bà V giao cho bà M số tiền 53.990.000 đồng, hai bên có lập biên nhận giao hụi ngày 26/02/2020. Bà M phải có nghĩa vụ góp 31 phần hụi chết với số tiền là 93.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi mở ngày 20/02/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 32 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M hốt tại kỳ thứ ba với số tiền 55.200.000 đồng. Sau khi trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, bà V giao cho bà M số tiền 53.700.000 đồng, hai bên có lập biên nhận giao hụi ngày 25/4/2020. Bà M phải có nghĩa vụ góp 29 phần hụi chết với số tiền là 87.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi mở ngày 30/4/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 35 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M hốt tại kỳ thứ hai với số tiền 60.450.000 đồng. Sau khi trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, bà V giao cho bà M số tiền 58.950.000 đồng, hai bên có lập biên nhận giao hụi ngày 26/5/2020. Bà M phải có nghĩa vụ góp 33 phần hụi chết với số tiền là 99.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi mở ngày 30/4/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 35 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M hốt tại kỳ thứ hai với số tiền 60.450.000 đồng. Sau khi trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, bà V giao cho bà M số tiền 58.950.000 đồng, hai bên có lập biên nhận giao hụi ngày 26/5/2020. Bà M phải có nghĩa vụ góp 33 phần hụi chết với số tiền là 99.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà M phải có nghĩa vụ góp tiền hụi chết là 378.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi, bà M không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết hàng tháng đầy đủ cho bà V, chỉ thanh toán được 63.000.000 đồng tiền hụi chết cho cả 04 dây hụi bằng cách trả nhiều lần được bà V cộng dồn lại. Tổng số tiền hụi bà M còn phải thanh toán là 315.000.000 đồng, trong đó bao gồm 213.000.000 đồng bà V đã thanh toán hụi thay cho bà M và 102.000.000 đồng của các kỳ hụi chưa đến do cả 04 dây hụi đều chưa kết thúc. Dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai sẽ mãn vào ngày 20/8/2022 (âm lịch), nghĩa là mỗi dây còn 06 phần hụi chết, tổng cộng là 36.000.000 đồng. Dây hụi thứ ba và dây hụi thứ tư sẽ mãn vào ngày 30/01/2023 (âm lịch), nghĩa là mỗi dây còn 11 phần hụi chết, tổng cộng là 66.000.000 đồng.

Ngoài tiền hụi, bà M còn vay của bà V số tiền 80.000.000 đồng trong nhiều lần, đến ngày 05/5/2018, hai bên chốt nợ và thống nhất số nợ là 80.000.000 đồng. Đến nay bà M vẫn chưa trả cho bà V.

Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu bà M phải trả toàn bộ số tiền nợ hụi và nợ vay, tổng cộng là 395.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Trong đó, số tiền 213.000.000 đồng tiền hụi đã thanh toán thay và 80.000.000 đồng tiền vay bà M phải thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật. Riêng đối với số tiền hụi

102.000.000 đồng còn lại do hụi chưa mãn nên bà M phải góp theo đúng thời gian của từng dây hụi.

Ngoài ra, bà V không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V, bà M đồng ý trả số tiền 395.000.000 đồng cho bà V. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện tại khó khăn, nên bà M xin được trả dần số tiền này bằng cách trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm V về việc buộc bà Lê Thị M trả số tiền 395.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*), số tiền và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 293.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi ba triệu đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 36.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng. Thời gian trả tiền bắt đầu thực hiện từ tháng 3 năm 2022 (âm lịch) cho đến khi trả hoàn tất số tiền 36.000.000 đồng.

3. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 66.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) vào ngày 30 (âm lịch) hàng tháng, trường hợp tháng âm lịch thiếu sẽ xác định vào ngày 29. Thời gian trả tiền bắt đầu thực hiện từ tháng 3 năm 2022 (âm lịch) cho đến khi trả hoàn tất số tiền 66.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2022, bị đơn Lê Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không đồng ý trả cho bà Phạm Thị Cẩm V mỗi tháng 6.000.000 đồng và xin được miễn nộp một phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút một phần kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị M rút một phần kháng cáo về việc xin trả dần số tiền 395.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 5 Điều 305 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà M xin trả dần số tiền còn nợ bà V. Về kháng cáo xin giảm án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm bà Lê Thị M nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hui*” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị M.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị M rút kháng cáo về yêu cầu xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với số tiền còn nợ bà V là 395.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bà M là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà M về nội dung trên.

Về kháng cáo xin giảm một phần án phí: Bà Lê Thị M cung cấp Đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận hoàn cảnh gia đình bà thực sự khó khăn của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bà 50% án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, mức án phí dân sự sơ thẩm bà M phải chịu là 9.875.000 đồng.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa một phần bản án sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành từ thời điểm hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bà M được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Về án phí dân sự sơ thẩm, giảm $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho bà M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 148, Điều 289, Khoản 2, 5 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bà Lê Thị M về việc xin trả dần số tiền 395.000.000 đồng như sau: Mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất.

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị M.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm V về việc buộc bà Lê Thị M trả số tiền 395.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), số tiền và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 293.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 36.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng. Thời gian trả tiền bắt đầu thực hiện từ tháng 3 năm 2022 (âm lịch) cho đến khi trả hoàn tất số tiền 36.000.000 đồng.

2.3. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền 66.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) vào ngày 30 (âm lịch) hàng tháng, trường hợp tháng âm lịch thiếu sẽ xác định vào ngày

29. Thời gian trả tiền bắt đầu thực hiện từ tháng 3 năm 2022 (âm lịch) cho đến khi trả hoàn tất số tiền 66.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008204 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lê Thị M phải chịu 9.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.950.000 theo biên lai thu số 0008127 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng công TTĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương